

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-PT

Ngày: 14-4-2021

V/v tranh chấp đòi lại tài sản là
quyền sử dụng đất do bị lấn
chiếm; Bồi thường thiệt hại do tài
sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Lâm Bách**

Bà **Phạm Thị Anh Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Bà Huỳnh Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 12 năm
2020 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm;
Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020
của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2021/QĐ-PT ngày
08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn Q, sinh năm 1944 (*có mặt*);

Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q:

Ông Lâm Thế N – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý

nhà nước tỉnh Ninh Thuận (*có mặt*).

2. *Bị đơn*: Ông Võ Kim Đ, sinh năm 1968 (*vắng mặt khi tuyên án*);

Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người làm chứng*:

- Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1966 (*vắng mặt khi tuyên án*);

- Ông Ngô Văn L, sinh năm 1950 (*vắng mặt khi tuyên án*);

Cùng địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5. *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Võ Kim Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn Q trình bày:

- Về yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm:

Thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16, thị trấn P có nguồn gốc là của vợ chồng ông Võ Văn Q, bà Nguyễn Thị T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn D với diện tích 962m² vào năm 1985, khi chuyển nhượng hai bên chỉ làm giấy viết tay, đến năm 2005 vợ chồng ông Võ Văn Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2017 chuyển đổi thành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn liền với nhà ở và tài sản trên đất, được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 449661 ngày 25-12-2017.

Diện tích đất 962m² gia đình ông Võ Văn Q làm ranh giới tứ cận bằng hàng rào tạm cây thân gỗ nhỏ; tuy nhiên trong quá trình sử dụng đất, phía bị đơn ông Võ Kim Đ tự ý rào hàng rào chiếm đất của ông Q; phần diện tích đất ông Võ Kim Đ lấn chiếm của gia đình ông Võ Văn Q khoảng 10m², có vị trí tứ cận như sau: Tây giáp nương Q; Nam thuộc phần đất gia đình ông Võ Văn Q; Đông giáp đất ông Võ Văn C; Bắc giáp đất ở của gia đình ông Võ Văn Q thuộc một phần thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Phần diện tích đất lấn chiếm này hiện nay ông Võ Kim Đ đang trồng 01 cây xoài, 01 cây dừa còn nhỏ chưa cho thu hoạch.

Ông Võ Văn Q yêu cầu Tòa án xử buộc ông Võ Kim Đ hoàn trả lại 10m² đất do ông Võ Kim Đ rào hàng rào lấn chiếm theo vị trí tứ cận nêu trên.

- Về yêu cầu ông Võ Kim Đ bồi thường 82 cây tre:

Nguồn gốc bụi tre này do ông Võ Văn Q trồng cách đây đã 30 năm trên đất của ông Võ Văn Q. Ngày 06-11-2017 ông Võ Kim Đ tiến hành chặt tre của ông Võ Văn Q, số lượng cây tre mà ông Võ Kim Đ chặt là 82 cây, đường kính thân tre từ khoảng 18-20cm, chiều dài khoảng 08-10m. Sau khi chặt tre của ông Võ Văn Q, ông Đ mang toàn bộ số tre về nhà ông Đ sử dụng.

Ngay sau khi ông Đ chặt tre, ông Q có báo Công an thị trấn P và Công an huyện N về việc ông Đ chặt tre của ông Q. Ngày 09-11 2018, Công an huyện N cùng đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn P đến hiện trường tiến hành kiểm đếm số tre bị chặt là 82 cây, có sự chứng kiến của ông Võ Văn Q và ông Võ Kim Đ; Sau khi Công an lập biên bản, ông Q và ông Đ cùng ký vào biên bản với Công an và đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn P.

Ông Võ Văn Q khẳng định số lượng tre ông Đ chặt là 82 cây là bởi vì: Tại thời điểm ngày 09-11-2018, Công an huyện N kiểm đếm số gốc tre vẫn còn tồn tại, cao từ mặt đất trở lên khoảng 80cm, Công an kiểm đếm từng gốc; toàn những gốc mới chặt. Cây tre nếu chặt lâu ngày thì cây tre sẽ bị chết, khô mục, tàn lụi không còn thân tre. Nếu cây tre đã chặt lâu ngày thì thân tre sẽ bị mục, khi ông Đ đốt buộc phải cháy mất thân tre.

Nay ông Võ Văn Q yêu cầu ông Võ Kim Đ phải bồi thường giá trị số lượng 82 cây tre theo biên bản định giá của Hội đồng đo đạc, định giá tài sản. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Kim Đ trình bày:

- Về yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm của ông Võ Văn Q yêu cầu ông Võ Kim Đ phải trả lại cho ông Q 10m² đất đã rào lấn chiếm, ông Đ có ý kiến như sau:

Phần diện tích đất ông Q khởi kiện có nguồn gốc là của cha mẹ ông Võ Kim Đ có trước giải phóng, sau đó đưa vào Hợp tác xã, rồi Hợp tác xã giao khoán cho hộ gia đình cha ông Võ Kim Đ.

Ông Võ Văn Q chiếm đất của ông Võ Kim Đ diện tích 41,6m² theo trích lục bản đồ địa chính ngày 30-7-2018, ông Võ Kim Đ rào đất của ông Đ, không

liên quan gì đến đất ông Q; ông Võ Kim Đ không chiếm đất của ông Võ Văn Q, vì vậy ông Võ Kim Đ không đồng ý trả lại 10m² đất cho ông Võ Văn Q.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại 82 cây tre:

Nguồn gốc bụi tre này do cha ông Võ Kim Đ trồng của gia đình, sau giải phóng, cha ông Võ Kim Đ đưa toàn bộ diện tích thửa đất này vào Hợp tác xã và sau đó Hợp tác xã giao khoán lại cho gia đình ông Đ (Diện tích này thuộc một phần thửa số 100, tờ bản đồ số 16, thị trấn P). Từ sau giải phóng đến nay chị, em ông Võ Kim Đ vẫn là những người trực tiếp quản lý bụi tre và thường xuyên khai thác từ đó cho đến nay.

Đến năm 1990 ông Võ Văn Q có nhận chuyển nhượng diện tích thửa đất số 100, tờ bản đồ số 16, thị trấn P từ ông Nguyễn Anh D (Ông Nguyễn Anh D hiện nay ở khu phố 10, thị trấn P), khi ông D còn sử dụng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 16, thị trấn P thì phần bụi tre vẫn ở trên phần đất của gia đình ông Đ, gia đình ông Đ vẫn khai thác, ông Nguyễn Anh D không có ý kiến gì, từ khi ông Q nhận chuyển nhượng đất của ông D cho đến nay, ông Q chưa bao giờ khai thác bụi tre trên.

Ông Võ Kim Đ xác nhận có chặt bụi tre 82 cây, lý do trong bụi tre có rất nhiều rắn, rít, tắc kè sống trong bụi tre, mất an toàn, nên ông Võ Kim Đ quyết định chặt bụi tre này để đảm bảo an toàn cho mọi người; ông Võ Kim Đ xác định bụi tre này là của gia đình ông Võ Kim Đ có từ trước năm 1975.

Về giá trị 82 cây tre, ông Võ Kim Đ thống nhất theo biên bản đo đạc định giá của Hội đồng đo đạc, định giá tài sản;

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T là vợ ông Võ Văn Q thống nhất theo yêu cầu của ông Võ Văn Q.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 6, 9 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 165, 166, 170, 175; Điều 579, 580, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm và Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” của nguyên đơn ông Võ Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Võ Kim Đ.

2. Buộc ông Võ Kim Đ chặt bỏ (hoặc di dời) 01 cây xoài, 01 cây dừa và phải giao trả phần đất lấn chiếm có diện tích 10m² thuộc một phần thửa đất số 103, tờ bản đồ số 12, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho ông Võ Văn Q, bà Nguyễn Thị T.

Phần đất có vị trí như sau: Đông giáp đất ông Võ Văn Q; Tây giáp nương Q (Cạnh 10.55), Tây Bắc giáp thửa đất 100 (Cạnh 3.66); Nam giáp đất ông Võ Văn Q; Bắc giáp thửa đất 100 theo trích lục bản đồ địa chính số 184 ngày 17-8-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh N thuộc một phần thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16 diện tích 962m² thị trấn Phước huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có trích lục kèm theo).

- Buộc ông Võ Kim Đ bồi thường giá trị 82 cây tre số tiền 2.870.000đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng) cho vợ chồng ông Võ Văn Q, bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/11/2020, bị đơn ông Võ Kim Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Q yêu cầu ông Võ Kim Đ trả lại 10m² đất lấn chiếm và yêu cầu bồi thường 82 gốc tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Võ Kim Đ; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Ông Võ Kim Đ kháng cáo trong thời hạn kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

[1.2] Ông Võ Văn Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Ông Võ Kim Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ án.

[2] Bị đơn – Người kháng cáo tranh luận

[2.1] Ông Võ Kim Đ cho rằng bản án sơ thẩm ghi nội dung trình bày của ông Đ về nguồn gốc cây tre trên đất tranh chấp không đúng. Nguồn gốc cây tre là của cha, mẹ ông Võ Kim Đ trồng chứ không phải của cha ông Q trồng như bản án sơ thẩm đã ghi tại trang 3.

[2.2] Ông Võ Kim Đ cho rằng trồng một bụi tre (một gốc tre) thế nhưng trong suốt hai mươi năm mà tre phát triển thành 82 cây là không có căn cứ. Phần đất tranh chấp 10m² thuộc quyền sử dụng của ông Võ Kim Đ nên ông Đ có trồng một cây dừa, một cây xoài. Ông Võ Kim Đ yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

[3] Nguyên đơn tranh luận

Quyền sử dụng đất ông Võ Văn Q được nhà nước công nhận theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2005, trên phần đất có bụi tre nên quyền sử dụng đất và bụi tre thuộc quyền sử dụng của ông Q. Ông Võ Kim Đ không có chứng cứ chứng minh nguồn gốc cũng như quyền sử dụng đất đối với diện tích lấn chiếm 10m² nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Kim Đ.

[4] Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy

[4.1] Ông Võ Kim Đ không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất cũng như việc kê khai để được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Võ Kim Đ còn cho rằng phần diện tích đất 10m² là một phần diện tích đất của cha, mẹ ông đưa vào Hợp tác xã và được Hợp tác xã

giao lại nhưng cũng không có tài liệu chứng minh nên tranh luận của ông Đ về quyền sử dụng đất 10m² không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4.2] Tại Bản án sơ thẩm số 39/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Bản án dân sự phúc thẩm số 333/2019/DS-PT ngày 07/8/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giải quyết tranh chấp thửa đất số 100, tờ bản đồ số 16 giữa nguyên đơn ông Võ Văn C, bị đơn ông Võ Kim Đ đã tuyên xử ông C được sử dụng 151,2m² đất thuộc một phần thửa đất số 100. Theo trích lục ngày 30/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận mà các bản án sơ thẩm và phúc thẩm dùng làm căn cứ giải quyết tranh chấp đất giữa ông Võ Văn C với ông Võ Kim Đ thì ranh giới thửa đất số 100 và ranh giới thửa đất 103, tờ bản đồ địa chính số 16, thị trấn P không thay đổi; Chứng minh phần diện tích 10m² hiện nay ông Võ Kim Đ đang lấn chiếm thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn Q. Do đó, bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N xác định phần diện tích 10m² có hình chóp nón thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn Q, buộc ông Võ Kim Đ phải hoàn trả là có căn cứ.

[4.3] Bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N ghi nhầm nội dung trình bày của ông Võ Kim Đ tại trang 3 của bản án nhưng việc đánh giá chứng cứ là đúng pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4.4] Ông Võ Kim Đ thừa nhận có chặt, đốt 82 cây tre trên phần đất tranh chấp; Các cây tre là tài sản hợp pháp của ông Võ Văn Q nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Võ Kim Đ phải bồi thường giá trị 82 cây tre x 35.000đ/ cây = 2.870.000đ là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm cũng không chấp nhận nội dung tranh luận này của ông Võ Kim Đ.

[5] Ông Võ Kim Đ kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không chứng minh được những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ cũng như vi phạm về thủ tục tố tụng. Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Võ Kim Đ; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Q; Chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N.

[6] Do kháng cáo của ông Võ Kim Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm ông Đ phải chịu như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Vì các lẽ trên; Căn cứ Điều 308 khoản 1 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 6, 9 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 và 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 165, 166, 170, Điều 579, 584, 589 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện tranh chấp “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất do bị lấn chiếm và Yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm” của nguyên đơn ông Võ Văn Q đối với bị đơn ông Võ Kim Đ.

2. Buộc ông Võ Kim Đ phải có nghĩa vụ chặt bỏ hoặc di dời 01 cây xoài, 01 cây dừa trên phần diện tích đất lấn chiếm 10m² để giao trả cho ông Võ Văn Q, bà Nguyễn Thị T phần đất lấn chiếm có diện tích 10m² thuộc một phần thửa đất số 103, tờ bản đồ địa chính số 16, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Phần diện tích đất 10m² ông Võ Kim Đ có nghĩa vụ giao trả có vị trí như sau: Đông giáp đất ông Võ Văn Q; Tây giáp nương Q (Cạnh 10.55m), Tây Bắc giáp thửa đất 100 (Cạnh 3.66m); Nam giáp đất ông Võ Văn Q; Bắc giáp thửa đất 100 theo trích lục bản đồ địa chính số 184k/2020 ngày 17-8-2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - Chi nhánh N, thuộc một phần thửa đất số 103, tờ bản đồ số 16 thị trấn Phước huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (Có trích lục kèm theo).

Buộc ông Võ Kim Đ bồi thường giá trị 82 cây tre tương ứng với số tiền 2.870.000đ (*Hai triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng*) cho vợ chồng ông Võ Văn Q, bà Nguyễn Thị T.

3. Ông Võ Kim Đ phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá tài sản là 3.000.000đ; Ông Võ Kim Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 3.000.000đ cho ông Võ Văn Q.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí

4.1. Ông Võ Kim Đ phải chịu 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 1.300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0019092 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4.2. Ông Võ Kim Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025355 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Ông Võ Kim Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14/4/2021)/.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên